

THÔNG BÁO

Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Lĩnh vực/ngành đào tạo	Tỷ lệ Sinh viên chính quy/Giảng viên cơ hữu quy đổi
I.	Máy tính và công nghệ thông tin	18,8
1.	Kỹ thuật máy tính	18,8
II.	Công nghệ kỹ thuật	17,2
2.	Công nghệ chế tạo máy	18,4
3.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	8,8
4.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	18,4
5.	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	19,0
6.	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	18,8
7.	Kinh tế công nghiệp	10,2
8.	Quản lý công nghiệp	14,9
III.	Kỹ thuật	18,0
9.	Kỹ thuật cơ điện tử	18,6
10.	Kỹ thuật cơ khí	19,0
11.	Kỹ thuật Cơ khí động lực	16,8
12.	Kỹ thuật điện	17,9
13.	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	18,6
14.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	18,7
15.	Kỹ thuật môi trường	3,6
16.	Kỹ thuật vật liệu	10,8
IV.	Kiến trúc và xây dựng	9,0
17.	Kiến trúc	0,5
18.	Kỹ thuật xây dựng	16,6
V.	Nhân văn	6,3
19.	Ngôn ngữ Anh	6,3
VI.	Lĩnh vực khác	16,2
20.	Kỹ thuật cơ khí (CTTT)	14,3
21.	Kỹ thuật điện (CTTT)	17,9

Số liệu tính đến: T5/2023

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 6 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

TS. Đỗ Trung Hải